TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 982/2022/HC-PT Ngày 23- 12- 2022 V/v *Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.*	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh.

Ông Hoàng Minh Thịnh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Thái Lê Quỳnh- Cán bộ Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cáo tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 188/2022/TLPT-HC ngày 01 tháng 6 năm 2022 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính số 24/2022/HC- ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng nghị,

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1691/2022/QĐPT-HC ngày 26 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1- Người khởi kiện: Ông Đoàn T, sinh năm 1976; Bà Nguyễn Thị Minh H, sinh năm 1980, (ông T có mặt, bà H vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà H:

- Ông Cao Văn H, sinh năm 1960; địa chỉ: Phòng A Khu nhà B, Chung cư C, phường D, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, (có mặt).

- Ông Bùi Xuân B;

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Thuận (có mặt).

2- Người bị kiện: - Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Công T- Phó Giám đốc (có mặt).

- Chủ tịch UBND xã Tân Hải, thị xã La Gi.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Minh T –Phó Chủ tịch (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, thị xã La Gi

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Minh T - Phó Chủ tịch, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1949, địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận, (Xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Đoàn T, sinh năm 1935; địa chỉ: Thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận, (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện trình bày:

Về nguồn gốc đất thì diện tích 1,7ha đất ông T đang sử dụng có nguồn gốc do Hạt kiểm Lâm Hàm Tân giao khoán cho ông Trương Văn H 06 ha đất thuộc thửa đất số 23 và số 25, tờ bản đồ số 34. Năm 2000, Hạt kiểm lâm Hàm Tân thanh lý hợp đồng với ông H nhưng thực tế diện tích đất này Hạt kiểm lâm không nhận lại và ông H vẫn tiếp tục trồng cây lâu năm. Năm 2000, ông H giao lại diện tích đất trên cho ông C và ông T quản lý, sử dụng.

Ngày 17/02/2004, Ủy ban nhân dân xã Tân Hải yêu cầu ông C và ông Đoàn T nhận khoán bảo vệ rừng nhưng 03 tháng sau, do mâu thuẫn nên ông Dương Thế C không tham gia nhận khoán bảo vệ rừng nên giao lại cho ông T và ông T phải nhờ ông Đoàn T đứng ra ký hợp đồng thay thế.

Năm 2007, Nhà nước làm đường Tô Hiến Thành chia 06 ha đất nhận khoán, ông T tự nguyện giao lại cho UBND xã khoảng 04 ha đất bên kia đường cho chính quyền cấp đất cho một số hộ dân, còn lại diện tích hơn 1,7ha do ông T tiếp tục trồng cây lâu năm và thu hoạch nhiều kỳ cho đến nay. UBND xã chưa bao giờ quản lý, sử dụng đất này. Theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận thì diện tích đất này đã đưa ra quy hoạch 03 loại rừng nhưng không thanh lý hợp đồng, không thu hồi đất mà lại quy chủ cho bà Nguyễn Thị H, ông Q (chồng bà H hiện đã chết).

Năm 2018, ông T làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận nhưng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai La Gi cho rằng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo khoản 4 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trả hồ sơ cho ông T.

Ông T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hải nhưng không được chấp nhận.

Việc Ủy ban nhân dân xã Tân Hải, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai xác nhận nguồn gốc đất và trả hồ sơ là trái quy định của pháp luật, bởi lẽ:

- Ủy ban nhân dân xã Tân Hải không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh diện tích đất trên do Nhà nước quản lý.

- Người ký hợp đồng với ông C, ông T không đúng thẩm quyền nên hợp đồng không có hiệu lực.

- Ủy ban nhân dân xã Tân Hải không phải là chủ thể có thẩm quyền giao khoán đất rừng.

- Đối tượng của hợp đồng giao khoán là không đúng, do Quyết định số 09/2001 đã đưa diện tích đất trên ra khỏi ba loại rừng.

- Đất do ông T đang sử dụng nhưng quy chủ cho bà H (không phải là người đang sử dụng đất) là không đúng đối tượng.

- Ông T sử dụng đất trước ngày 01/7/2004, không tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.

Căn cứ Khoản 2 Điều 101 Luật đất đai, Điều 20, Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP thì diện tích đất trên đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận cho ông Đoàn T.

Do đó, người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Đoàn T đối với thửa đất số 23, 25, tờ bản đồ số 34, diện tích 17.608,1m^2 tọa lạc tại thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hải.

Theo Văn bản số 2074/VPĐKĐĐ-ĐKCG ngày 14/9/2020, Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận trình bày:

Nguồn gốc 02 thửa đất số 23, 25 cùng tờ bản đồ số 34 được UBND xã Tân Hải xác nhận là: *Ngày 01/01/1993, ông Trương Văn H ký biên bản hợp đồng nhận quản lý, bảo vệ rừng Tân Hải. Thời hạn hợp đồng 1 năm. Đến ngày 01/7/1994, ông Trương Văn H ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng, gây trồng rừng sản xuất số 04.94/HĐK. Đến năm 2000, ông Trương Văn H có đơn giao trả rừng dầu tái sinh. Đến năm 2004, ông Dương Thế C nhận bảo vệ rừng. Năm 2005, ông Đoàn T ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng và được UBND xã Tân Hải xác nhận. Đến*

ngày 24/6/2010, UBND xã Tân Hải có biên bản làm việc với nội dung thanh lý hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng đối với ông Đoàn T.

Ngày 24/5/2019, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai La Gi đã ký xác nhận vào mục III Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H (phần ý kiến của cơ quan đăng ký đất đai) với nội dung: *Căn cứ theo khoản 4 Điều 19 Nghị định số 43/2014/CNĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất và giao trả hồ sơ lại cho UBND xã Tân Hải theo đúng trình tự quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.*

Căn cứ khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, việc ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H yêu cầu Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận đúng nguồn gốc sử dụng đất đối với 02 thửa đất trên là không có cơ sở theo thẩm quyền quy định.

Theo Văn bản số 18/UBND-ĐC ngày 28/01/2022, UBND xã Tân Hải trình bày:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Các thửa đất số 23, 25 tờ bản đồ số 34, diện tích 17.608,1m^2 tọa lạc tại thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận nằm trong tổng diện tích 20ha mà Hạt kiểm lâm Hàm Tân (cũ) cho ông Trương Văn H nhận khoán bảo vệ rừng từ năm 1991-1999. Năm 2000, ông Trương Văn H trả lại rừng dầu tái sinh vi không tiếp tục nhận khoán, Thời điểm ông H trả lại diện tích đất nhận thuê khoán thì UBND xã Tân Hải (cũ) tiếp tục quản lý diện tích đất này.

Theo quyết định số 09/2001/QĐ-UBBT ngày 12/02/2001 của UBND tỉnh Bình Thuận về việc phê duyệt dự án quy hoạch ba loại rừng tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2000-2010 thì khu vực đất tranh chấp không thuộc đất ba loại rừng. Sau khi ban hành quyết định trên, hiện nay UBND xã Tân Hải chưa truy lục được quyết định thu hồi diện tích đất trên của Hạt kiểm lâm Hàm Tân (cũ) giao cho UBND xã Tân Hải quản lý. Căn cứ chức năng, quyền hạn và trách nhiệm quản lý của chính quyền địa phương, UBND xã Tân Hải (cũ) tiến hành quản lý phần diện tích đất trên qua các thời kỳ.

Hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng với Dương Thế C và ông Đoàn T là do ông Ngô Thành S (cán bộ Nông lâm nghiệp xã Tân Hải năm 2004) đại diện UBND xã ký kết và UBND xã Tân Hải chỉ ký xác nhận hợp đồng. Việc ký kết hợp đồng này thể hiện trách nhiệm của Chính quyền địa phương trong công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn.

Căn cứ bản đồ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 trên địa bàn thị xã La Gi được UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt tại quyết định số 983/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 thể hiện khu vực này được quy hoạch là đất khu vui chơi, giải trí công cộng (đất DKV).

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2000, nghiệm thu năm 2001 thì vị trí đất tranh chấp thuộc đất số 01, tờ bản đồ số 20, tỷ lệ 1/2000 và được xác lập loại đất là đất vườn và quy chủ cho ông Trần Minh Q, bà H.

Theo bản tự khai ngày 15/6/2021, bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng bà (Trần Minh Q, Nguyễn Thị H) không sử dụng và không liên quan 02 thửa đất số 23, 25 tờ bản đồ só 34 diện tích 17.608,1m^2 của ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị H đang đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, không biết dựa trên cơ sở nào UBND xã Tân Hải đã quy chủ cho vợ chồng bà 40.582,9m^2 đất vườn, trong đó có 02 thửa đất sô 23, 25 tờ bản đồ số 34 tại thôn A, xã B của vợ chồng ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H.

Nay, bà xin khẳng định UBND xã Tân Hải quy chủ cho vợ chồng bà các thửa đất số 23, 25 tờ bản đồ số 34 tại thôn A, xã B là không đúng. Bà cam đoan sẽ không khiếu nại nếu ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 02 thửa đất này.

Theo bản tự khai ngày 15/6/2021, ông Dương Thế C trình bày: Đầu năm 2004, ông Trương Văn H không có nhu cầu nhận khoán 20 ha đất nông nghiệp tại thôn A, xã B nên ông Đoàn T gặp và bàn bạc với ông cùng nhận khoán 06 ha đất trong 20 ha đất. Ngày 17/02/2004, ông đại diện cho ông Đoàn T ký hợp đồng nhận khoán 06 ha đất với UBND xã Tân Hải. Sau khi ký hợp đồng, tôi và ông Đoàn T sử dụng trồng cây keo và bạch đàn. Nhưng sau 03 tháng, tức vào tháng 5 năm 2004, thấy không có hiệu quả nên ông rút không hợp tác trồng cây với ông T nữa. Vì vậy, tôi yêu cầu ông T ký hợp đồng mới thay thế hợp đồng tôi đã ký với UBND xã Tân Hải. Sau đó ngày 16/9/2004, ông Đoàn T (ba ruột của ông T) đứng tên ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng phòng hộ cục bộ với UBND xã Tân Hải đồng thời vợ chồng ông Đoàn T quản lý sử dụng ổn định 02 thửa đất này cho đến nay.

Tại bản án hành chính số 24/2022/HC- ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 30, Điều 32, Điều 157, Điểm b, c Khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính;

- Điều 101 luật đất đai năm 2013;

- Nghị định số 43/2014/CNĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H:

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Đoàn T đối với thửa đất số 23, 25, tờ bản đồ số 34, diện tích 17.608,1m^2 tọa lạc tại thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hải.

Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo.

Tại Quyết định kháng nghị số 14/QĐ-VKS-HC ngày 10/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên một phần quyết định kháng nghị, đề nghị không chấp nhận nội dung kháng nghị về việc cho rằng án sơ thẩm tuyên buộc Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận nguồn gốc đất cụ thể là vi phạm nghiêm trong thủ tục tố tụng.

Trong phần tranh luận, các bên đương sự trình bày:

Đại diện UBND xã, ông Tân trình bày: Từ năm 2017- 2018 UBND xã mới quản lý phần đất 06ha nêu trên, sau đó chính quyền đã cấp đất ở cho các hộ dân tại phần đất khoảng 4ha bên kia đường, phần đất 1,7ha bên này đường mà ông T đang xin cấp giấy chủ quyền thì UBND xã chỉ quản lý với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước chung đối với đất đai, UBND xã không trực tiếp sử dụng, xung quanh diện tích 1,7ha nêu trên trước kia đều là đất của dân, đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất và không nằm trong diện tích 4.122ha đất rừng mà UBND huyện giao cho xã quản lý. Chỉ có 1,7ha đất ông T đang sử dụng là đất rừng nhưng đã đưa ra khỏi danh sách đất rừng theo quyết định của UBND tỉnh vào năm 2001. Việc hồ sơ địa chính thể hiện chủ đất 1,7ha nêu trên đứng tên vợ chồng ông Q, bà H là do nhầm lẫn, thực tế đất của ông Q, bà H cách vị trí đất này khoảng 200m. Khi Hạt kiểm lâm bàn giao đất rừng cho UBND xã thì vẫn còn các hộ dân nhận khoán rừng đang sử dụng đất chưa thanh lý hợp đồng. Đề nghị chấp nhận kháng nghị.

Ông T đại diện Văn phòng đăng ký đất đai trình bày: Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận vào đơn xin cấp giấy CNQSDĐ của ông T trên cơ sở kết quả xác nhận của UBND xã, kháng nghị là có căn cứ.

Ông H trình bày: Nội dung kháng nghị là không đúng. Việc UBND xã và Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận vào đơn xin cấp giấy CNQSDĐ của ông T chỉ là một khâu trong thủ tục hành chính, không phải là quyết định hành chính mà là hành vi hành chính, án sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện là đúng. Về nội dung xác nhận của UBND xã và Văn phòng đăng ký đất đai là không đúng. Diện tích 1,7ha ông T đang sử dụng không phải là đất rừng từ ngày 12/02/2001 theo quyết định của UBND tỉnh mà đây là đất trồng cây lâu năm đã được đưa ra khỏi đất rừng. Từ năm 2001 đến năm 2004 ông C và ông T sử dụng 06ha đất trồng cây lâu năm. Từ năm 2004 đến nay ông T sử dụng nhưng nhờ ông T (là cha) đứng tên trên hợp đồng. Việc UBND xã cử cán bộ không có thẩm quyền ký hợp đồng nhận khoán rừng với ông T là không có hiệu lực, UBND xã cũng không có thẩm quyền ký hợp đồng giao khoán đất rừng, đồng thời đất 1,7ha này không còn là đất rừng từ năm 2001. Theo hồ sơ địa chính thì diện tích 1,7ha đất trên không phải của UBND xã mà đứng tên chủ sử dụng là ông Q, bà H, việc UBND xã và Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận trong đơn của ông T như trên là trái pháp luật, cấp sơ thẩm xét xử là đúng, đề nghị bác kháng nghị.

Về thủ tục tố tụng: Cấp phúc thẩm và người tham gia tố tụng thực hiện đúng các quy định tố tụng, không vi phạm.

Về nội dung kháng nghị: Đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị, cụ thể, việc xác nhận của UBND xã và Văn phòng đăng ký đất đai vào đơn của ông T là dạng văn bản nên là quyết định hành chính bị khởi kiện, cấp sơ thẩm xác định đây là hành vi hành chính là không đúng đối tượng khởi kiện.

Đối với kháng nghị cho rằng cấp sơ thẩm buộc UBND xã Tân Hải và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận nguồn gốc đất của ông T là giải quyết vượt quá thẩm quyền, nội dung kháng nghị này là không có căn 1cu71 nên đề nghị bác nội dung kháng nghị này.

Về nội dung xác nhận của UBND xã và Văn phòng đăng ký đất đai trong đơn của ông T: Sau khi xét xử sơ thẩm, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đã thu thập chứng cứ cho thấy có căn cứ xác định diện tích 1,7ha đất trên đã được UBND huyện ban hành Quyết định số 656/QĐ/UB-HT ngày 19/9/1996 về việc giao trách nhiệm quản lý và bảo vệ rừng cho UBND xã Tân Hải, Hạt kiểm lâm đã có biên bản bàn giao đất cho UBND xã, khi đó đất rừng trên đang do ông H quản lý 20ha, trong đó có 1,7ha nêu trên, sau này ông T ký hợp đồng quản lý rừng với UBND xã. Diện tích 1,7ha đã được đưa ra khỏi đất rừng và do UBND xã quản lý, cấp sơ thẩm

thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, đề nghị chấp nhận một phần kháng nghị, hủy toàn bộ án sơ thẩm để xét xử lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Năm 2018, ông T làm hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận QSD đất diện tích hơn 1,7ha thuộc thửa đất số 23 và số 25, xã A, thị xã B. theo ông T đất này do ông T sử dụng từ năm 2000, do ông H là người nhận khoán rừng trước giao lại. Đất này là một phần trong diện tích 06 ha ông T nhận khoán từ năm 2000. Sau khi làm đường Nguyễn Tất Thành cắt ngang diện tích 06ha thì phần khoảng hơn 04 ha đất bên kia đường cho chính quyền cấp đất cho một số hộ dân, còn lại diện tích hơn 1,7ha ông T tiếp tục trồng cây lâu năm nhưng Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai La Gi cho rằng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo khoản 4 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và trả hồ sơ cho ông T. Ông T khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hải nhưng không được chấp nhận.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu như sau:

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Đoàn T đối với thửa đất số 23, 25, tờ bản đồ số 34, diện tích 17.608,1m^2 tọa lạc tại thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hải.

[2]- Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận cho rằng: Căn cứ xác nhận của UBND xã Tân Hải về nguồn gốc đất nên chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã La Gi xác nhận vào mục III Đơn đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H (phần ý kiến của cơ quan đăng ký đất đai) với nội dung: *Căn cứ theo khoản 4 Điều 19 Nghị định số 43/2014/CNĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Hồ sơ không đủ điều kiện cấp giấy CNQSD đất và giao trả hồ sơ lại cho UBND xã Tân Hải theo đúng trình tự quy định tại Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.*

[3]- Sau khi xét xử sơ thẩm, VKSND tỉnh Bình Thuận đã thu thập được các tài liệu gồm:

- Quyết định số 656/QĐ/UB-HT ngày 19/9/1996 của UBND huyện Hàm tân về việc giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng cho UBND xã Tân Hải. Theo đó

UBND huyện giao cho UBND xã Tân Hải quản lý và bảo vệ 4.122ha rừng và đất lâm nghiệp.

- Biên bản ngày 20/9 1996 về việc triển khai thực hiện Quyết định số 656 ngày 19/9/1996 giữa Hạt kiểm lâm và UBND xã Tân Hải.

- Biên bản bàn giao ranh giới khu vực quản lý bảo vệ rừng ngày 20/9/1996 giữa Hạt kiểm lâm và UBND xã Tân Hải. Theo đó Hạt kiểm lâm đã bàn giao ranh mốc giới 4.122ha rừng cho UBND xã Tân Hải.

- Bản đồ hiện trạng khu vực quản lý bảo vệ rừng địa bàn xã Tân Hải, tỷ lệ 1/50.000.

Các tài liện trên đây do Hạt kiểm lâm huyện Hàm Tân- La Gi tỉnh Bình Thuận cung cấp theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận. Các tài liệu này đều là bản photocopy.

Xét kháng nghị của Viện kiểm sát thì thấy:

[4]- Về đối tượng khởi kiện vụ án hành chính: Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật tố tụng hành chính thì quyết định hành chính là đối tượng khởi kiện phải là văn bản của cơ quan hành chính nhà nước, phải thể hiện dưới dạng văn bản của cơ quan hành chính nhà nước. Đơn xin cấp giấy chứng nhận QSD đất là văn bản của ông T không phải là văn bản của cơ quan hành chính nhà nước. Việc UBND xã Tân Hải và Văn phòng đăng ký đất đai xác nhận vào đơn của ông T là hành vi hành chính, là một khâu trong thủ tục hành chính về xử lý đơn của công dân. Cấp sơ thẩm xác định đối tượng khởi kiện trong vụ án là hành vi hành chính là có căn cứ.

[5]- Về quá trình quản lý và sử dụng 1,7ha đất thuộc thửa số 23 và 25 tờ bản đồ số 34, thôn A, xã B, thị xã C:

Theo hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên tại phiên tòa hôm này thì diện tích 1,7ha nêu trên trước kia là đất rừng do ông Trương Văn H ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ngày 01/01/1993 với Hạt kiểm lâm huyện Hàm Tân. Năm 2000 ông H thanh lý hợp đồng nên ông T và ông Dương Thế C nhận khoán phần 6ha rừng của ông H nhưng thỏa thuận để mình ông C ký hợp đồng nhận khoán (BL: 61). Khoảng 3 tháng sau ông C không làm nữa mà ông T tiếp tục nhận khoán nhưng sau này nhờ ông Đoàn T là cha ông T đứng ra ký hợp đồng nhận khoán bảo vệ rừng ngày 16/9/2004 (BL: 64, 79).

Theo Quyết định số 09/2001/QĐ-UBND ngày 12/02/2001 của UBND tỉnh Bình Thuận thì khu vực 06ha đất nên trên đã được đưa ra khỏi đất rừng. Như vậy, từ năm 2001 diện tích 1,7ha đất hiện ông T xin cấp chủ quyền không còn là đất rừng mà là đất trồng cây lâu năm. Theo trình bày của đại diện UBND xã thì hồ sơ địa chính lưu trữ tại UBND xã thể hiện đất này thuộc quyền sử dụng của vợ chồng

ông Q, bà H, không phải của UBND xã. Năm 2007 nhà nước làm đường Tô Hiến Thành đã cắt diện tích 6ha thành hai phần, phần 04 ha bên kia đường nhà nước đã cấp QSD đất cho các hộ dân, phần còn lại 1,7ha bên này đường gia đình ông T vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng. Thực tế gia đình ông T đã quản lý, trồng cây trên 1,7ha đất liên tục từ năm 2000 đến nay, không có việc Hạt kiểm lâm đến lấy đất gia đình ông T đang sử dụng để giao cho UBND xã.

Mặt khác, UBND xã Tân Hải cũng xác nhận: Theo bản đồ địa chính năm 2000 thì diện tích 1,7ha hiện ông T đang yêu cầu cấp giấy thuộc thửa đất số 01, tở bản đồ số 20 được xác lập là đất vườn, chủ đất là ông Trần Minh Q và bà Nguyễn Thị H, không phải đất do UBND xã Tân Hải quản lý. Vợ chồng ông Q, bà H xác nhận ông bà không sử dụng đất mà do ông T sử dụng. Theo biên bản bàn giao ranh đất giữa Hạt kiểm lâm và UBND xã thì 4.122ha đất rừng được bàn giao là liền một khu, không chia thành các phần nhỏ tách biệt nhau. Tuy nhiên, theo đại diện UBND xã trình bày tại phiên tòa hôm nay thì diện tích đất xung quanh 1,7ha ông T đang sử dụng lại là đất của dân, không phải đất rừng và nhà nước đã cấp giấy chứng nhận QSD đất cho các hộ dân này, chỉ có 1,7ha của ông T là đất rừng. Lời trình bày của đại diện UBND xã chứng tỏ rằng diện tích đất 1,7ha đất ông T đang sử dụng và đất xung quanh diện tích đất này không nằm trong diện tích 4.122ha đất rừng mà Hạt kiểm lâm giao cho UBND xã từ năm 1996. Thực tế năm 1996, khi Hạt kiểm lâm giao đất cho UBND xã thì ông H vẫn đang quản lý, bảo vệ và sử dụng phần đất này, không có việc bàn giao đất từ ông Hải cho UBND xã. Phần đất 1,7ha trước kia là đất rừng nhưng đã được đưa ra khỏi đất rừng theo quyết định của UBND tỉnh từ năm 2001. Gia đình ông T sử dụng đất ổn định, liên tục từ năm 2000 đến nay nên đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận QSD đất.

Như vậy, có căn cứ kết luận 1,7ha đất trên không phải do UBND xã quản lý, sử dụng mà do gia đình ông Đoàn T sử dụng liên tục từ năm 2000 đến nay, đất không còn là đất rừng, tài liệu địa chính là bản đồ địa chính năm 2000 thì UBND xã Tân Hải cũng không đứng tên chủ sử dụng đất, gia đình ông T sử dụng đất không phải do lấn chiếm nên phải được xem xét xác nhận đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất cho người đang sử dụng đất.

[5]- Đối với các tài liệu do Viện kiểm sát tỉnh Bình Thuận thu thập tại Hạt kiểm lâm nêu trên thì thấy:

Các tài liệu này là bản photocopy, không có nội dung nào xác thực thể hiện phần đất 1,7ha ông T đang xin cấp giấy chứng nhận QSD đất nằm trong diện tích 4.122ha đất rừng mà Hạt kiểm lâm giao cho UBND xã Tân Hải.

Tại Biên bản bàn giao ranh giới khu vực quản lý bảo vệ rừng ngày 20/9/1996 giữa Hạt kiểm lâm và UBND xã Tân Hải thì Hạt kiểm lâm đã bàn giao ranh mốc giới 4.122ha rừng cho UBND xã Tân Hải nhưng không có sự đồng ý hay

chữ ký của người đang sử dụng đất tại thời điểm bàn giao. Bản đồ hiện trạng khu vực quản lý bảo vệ rừng địa bàn xã Tân Hải, tỷ lệ 1/50.000 không thể hiện thửa đất 1,7ha thuộc thửa 23, 25 tờ bản đồ số 34 ông T đang xin cấp giấy chứng nhận QSD đất. Do đó, nếu có việc bàn giao đất rừng giữa Hạt kiểm lâm và UBND xã Tân Hải đối với phần đất gia đình ông T đang sử dụng nhưng không bàn giao trên thực địa, việc bàn giao này thực hiện khi chưa giải quyết quyền lợi của người đang quản lý, sử dụng đất thì việc bàn giao đất cũng không đúng pháp luật.

Vì vậy, không chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật tố tụng hành chính;

Không chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm số 24/2022/HC- ST ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận như sau:

Căn cứ: - Điều 101 luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/CNĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H:

- Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận xác nhận nguồn gốc đất của hộ ông Đoàn T đối với thửa đất số 23, 25, tờ bản đồ số 34, diện tích 17.608,1m^2 tọa lạc tại thôn A, xã B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận theo đúng quy định của pháp luật.

- Hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 159/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Thuận.

Buộc Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Thuận thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định.

[2] Về án phí: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, thị xã B, tỉnh Bình Thuận và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Bình Thuận mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Đoàn T, bà Nguyễn Thị Minh H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí án phí hành chính đã nộp theo biên lai số 0007318 ngày 5/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Bình Thuận (1);
– VKSND tỉnh Bình Thuận (1);
– Cục THADS tỉnh Bình Thuận (1);
– Các đương sự;
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3) (07);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Hùng